

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HS-ST

Ngày 03 – 01 – 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Kha

Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thúy Nguyên, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Ông Ngô Kiên Định – Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Trong các ngày 02, 03 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 229/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 855/2018/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lâm Thị S, sinh năm: 1990, tại Sóc Tr “có mặt”.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp Đại Bái A, xã Lạc Hoà, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh S Tr; tạm trú: Khóm 2, phường 7, thành phố C, tỉnh C; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Khome; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lâm B và bà: Sơn Thị S1; Chồng: Sơn X; con: 02 người; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/6/2018 cho đến nay.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Huỳnh Công Dung, là Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau “có mặt”.

Bà Đỗ Cẩm Lại, là trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau “có mặt”.

- Bị hại: Chị Cù Thị Đ, sinh năm: 1983 “có mặt”.

Địa chỉ cư trú: Số 52/5, Lâm Thành Mậu, khóm 1, phường 4, thành phố C, tỉnh C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Cổ Vân Th, sinh năm: 1983 “có mặt”.

Địa chỉ cư trú: Số 52/5, Lâm Thành Mậu, khóm 1, phường 4, thành phố C, tỉnh C.

Anh Sơn X, sinh năm: 1988 “có mặt”.

Địa chỉ cư trú: Ấp Đại Bái A, xã Lạc Hoà, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh S Tr;

Tạm trú: Khóm 2, phường 7, thành phố C, tỉnh C.

- *Người phiên dịch:* Ông Huỳnh Dương, sinh năm: 1957 “có mặt”.

Địa chỉ: Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vợ, chồng Cù Thị Đ và Cổ Vân Th có quầy mua bán rau, củ, quả cạnh quầy mua bán rau, củ, quả của vợ, chồng Lâm Thị S và Sơn X tại chợ phường 7, thành phố C. Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 23/4/2018, có người khách đến mua hàng ở quầy của S, khách đậu xe xéo ngang đường đi chợ thì Cổ Vân Th đi đến di chuyển xe khách đậu sát vào quầy hàng của S để không cản trở đường đi chợ. S không đồng ý và có lời lẽ chửi bới vợ, chồng Th. Do S thuê trước sân vừa khô Thành Chinh bán hàng nên Th đi vào phía trong vừa khô Thành Chinh để tìm chủ vừa khô nói chuyện. Khi Th vào vừa khô thì S ở quầy tiếp tục cự cãi với vợ của Th là Cù Thị Đ. Trong lúc cự cãi qua lại, Đ đi ra phía trước quầy hàng lấy 01 trái su chọi về phía S nhưng không trúng; S từ trong quầy hàng chạy thẳng ra dùng tay đánh, cào, cẩu nhiều cái vào mặt Đ, làm mặt Đ bị rách da, xây xát ra máu. Lúc này, Sơn Thị Bé Hiếu là người phụ bán hàng với Đ đến đứng giữa can ngăn, đẩy S với Đ ra nhưng không đẩy được. Th chạy đến định can ngăn nhưng chưa can được thì bị Sơn X chạy đến, ôm kéo Th ra đánh Th ở phía ngoài đường đi chợ. S tiếp tục kéo Đ vào phía trước sân đậu xe của vừa khô Thành Chinh tiếp tục đánh nhau. S vật Đ té xuống trúng 01 xe máy đang đậu, làm xe bị ngã dựa vào các xe đang đậu khác, Đ nằm ngửa trên xe bị ngã, S cũng bị chúi theo, trán trúng vào tay lái xe máy bị ra máu. Sau đó, được mọi người can ngăn, S được người dân đưa đi bệnh viện Đ trị. Riêng Đ, Th, X bị Công an phường 7, thành phố C mời về trụ sở làm việc, sau đó Đ đến bệnh viện đa khoa tỉnh C khám và Đ trị nhưng không nằm viện mà xin về nhà vì có con nhỏ; đến ngày 24/4/2018, Đ nhập viện Đ trị tại bệnh viện Medic tỉnh C.

Quá trình Đ tra Lâm Thị S thừa nhận: S có dùng tay cào, cẩu vào mặt chị Đ nhiều cái nhưng không xác định cụ thể bao nhiêu cái, vị trí nào. Ban đầu S khai nhận vết thương ở đầu của S là do trong lúc đè chị Đ té xuống xe thì S cũng ngã theo và bị trúng vào đầu. Sau đó S khai do Th dùng tay nắm đầu đập vào xe. Quá trình làm việc, có lúc S yêu cầu xử lý trách nhiệm người gây thương tích cho S và yêu cầu bồi thường thiệt hại; có lúc S không yêu cầu, không khiếu nại gì về việc

này. Đến lần làm việc cuối cùng đối với S (biên bản hỏi cung ngày 21/9/2018) có mặt Đ tra viên, Kiểm sát viên, S, người bào chữa, người phiên dịch cho S thì S lại không yêu cầu giám định, không yêu cầu xử lý hình sự, không yêu cầu bồi thường dân sự.

Tại giấy chứng nhận thương tích ngày 26/4/2018 thể hiện tình trạng vào viện của Cù Thị Đ: Vùng trán sưng nề, giữa trán có 03 vết xây xước kích thước khoảng 0.5 x 5cm, 0.5 x 4cm và 0.5 x 2cm, ấn đau. Sưng bầm quanh mắt trái. Vùng mặt sưng nề có rất nhiều vết xây xước, đau rất nhiều. Vùng cổ phía trước có vết xây xước kích thước 0.5 x 5cm. Vùng vai 2 bên sưng nề nhẹ ấn đau, vận động hai vai bình thường. Hồng lưng (T) sưng nề có vết bầm kích thước khoảng 1 x 1cm, ấn đau nhiều. Tim đều, phổi trong, bụng mềm, ấn đau nhẹ vùng hạ vị. Không yếu liệt chi, không dấu thần kinh khu trú.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 108/TgT ngày 07/5/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Cà Mau kết luận:

- 02 vết sẹo vùng trán, kích thước 1: 1cm x 1,2cm; kích thước 2: 2,5cm x 0,3cm. Ảnh hưởng thẩm mỹ. Do vật tày có cạnh gây ra.

- 01 vết sẹo đuôi mắt phải, kích thước: 1,2cm x 0,2cm. Ảnh hưởng thẩm mỹ. Do vật tày có cạnh gây ra.

- 01 vết sẹo cách bờ trong mắt trái xuống dưới 0,3, kích thước: 1cm x 0,5cm. Ảnh hưởng thẩm mỹ. Do vật tày có cạnh gây ra.

- 01 vết sẹo cạnh mũi trái, kích thước: 1,5cm x 0,4cm. Ảnh hưởng thẩm mỹ. Do vật tày có cạnh gây ra.

- 01 vết sẹo má trái, kích thước: 4cm x 0,3cm. Ảnh hưởng thẩm mỹ. Do vật tày có cạnh gây ra.

- 01 vết sẹo khóe miệng trái, kích thước: 1,5cm x 0,2cm. Ảnh hưởng thẩm mỹ. Do vật tày có cạnh gây ra.

- 01 vết sẹo cằm trái, kích thước: 1,2cm x 0,1cm.

- Vùng cổ trước không còn dấu vết thương tích. Không xếp tỷ lệ %; vùng vai 2 bên không còn dấu vết thương tích. Không xếp tỷ lệ %; hông trái không còn dấu vết thương tích. Không xếp tỷ lệ %; mắt trái không còn dấu vết thương tích, thị lực 10/10. Không xếp tỷ lệ %.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định tính theo thông tư số: 20/2014/TT-BYT, ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Bộ Y tế là: 13%.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng: Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội cố ý gây thương tích theo khoản 1 Đ 134 của Bộ luật hình sự là chưa phù hợp. Vì, theo Luật trợ giúp pháp lý và Thông tư liên ngành số 11 thì bị cáo thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý miễn phí nhưng khi tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm, cán bộ Đ tra không lập biên bản riêng để giải thích quyền và nghĩa vụ của bị cáo nên bị cáo bị mất quyền được bào chữa, làm ảnh hưởng đến quyền lợi

hợp pháp của bị cáo; bị cáo có bị thương tích, có đơn yêu cầu xử lý, đơn tố giác nhưng không được xem xét, giải quyết, làm ảnh hưởng nghiêm trọng quyền lợi của bị cáo tại giai đoạn Đ tra; biên bản sự việc được lập tại Công an phường không có mặt bị cáo, không có chữ ký bị cáo; tại cơ quan Đ tra, Đ tra viên không lập biên bản giải thích quyền được yêu cầu trợ giúp pháp lý của bị cáo làm ảnh hưởng quyền lợi của bị cáo từ lúc đó; đoạn camera ghi hình chỉ mấy phút lướt qua, chưa được xem nên chưa thể khẳng định tính chất vụ việc và ai là người gây thương tích như thế nào; việc xử lý vi phạm hành chính đối với Th về hành vi đánh nhau với X nhưng chưa xử lý hành vi Th đánh S như thế nào; yêu cầu triệu tập người làm chứng là Lê Thị Bé Sáu và Sơn Thị Bé Hiếu để làm rõ vụ án nhưng chưa được xem xét; quá trình ghi lời khai của Hiếu do Đ, Th giám hộ là không đúng; người phiên dịch chỉ dịch những câu hỏi mà bị cáo không hiểu chứ không giải thích ý nghĩa của vấn đề đó như thế nào cho bị cáo biết. Từ các lý do trên, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ Đ tra bổ sung để bảo đảm quyền lợi của bị cáo.

Đối với chị Cù Thị Đ yêu cầu xử lý Lâm Thị S theo quy định của pháp luật đồng thời yêu cầu S bồi thường số tiền 10.055.000đ.

Ý kiến của Cổ Văn Th yêu cầu xử lý Lâm Thị S theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Sơn X yêu cầu xem xét, xử lý người gây thương tích cho Lâm Thị S.

Tại cáo trạng số: 222/CT-VKS ngày 16/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau truy tố bị cáo Lâm Thị S về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với Lâm Thị S theo cáo trạng số: 222/CT-VKS ngày 16 tháng 11 năm 2018 và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lâm Thị S phạm tội “Cố ý gây thương tích”.
- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lâm Thị S từ 06 tháng đến 09 tháng tù.
- Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của Lâm Thị S và Sơn X bồi thường cho chị Cù Thị Đ số tiền 10.055.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an thành phố Cà Mau, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo có khiếu nại về Quyết định khởi tố bị can, Quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, kết luận điều

tra và đã được giải quyết đúng quy định của pháp luật; bị cáo không có khiếu nại tiếp theo lên cấp trên của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo hoàn toàn thừa nhận các vết thương trên vùng mặt của chị Cù Thị Đ theo hồ sơ bệnh án, giấy chứng nhận thương tích và kết luận giám định là do chính bị cáo gây ra nhưng bị cáo cho rằng không phải là lỗi của bị cáo, vì chị Đ đánh bị cáo nên bị cáo xô ra, quơ tay trúng mặt chị Đ gây nên các vết thương đó. Hội đồng xét xử thấy rằng, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ không đáng có khi anh Th dẫn xe khách mua đồ của quầy bị cáo, đầu sát vào quầy bị cáo để không cản trở lối đi cho người khác mà bị cáo không đồng ý, có lời lẽ chửi bới vợ, chồng anh Th nên hai bên xảy ra cự cãi, xô xát, dẫn đến đánh nhau. Bị cáo đã dùng hai tay có móng tay cào, cấu vào mặt Đ nhiều cái, hậu quả làm mặt chị Đ rách da, xay xát, chảy máu, theo kết luận giám định có tỷ lệ 13%, ảnh hưởng thẩm mỹ. Tuy bị cáo và chị Đ có xô xát nhau, cấu vật nhau nhưng hành vi của bị cáo đã gây thương tích cho chị Đ, hậu quả đến đâu thì xử lý đến đó. Do vậy, bị cáo phải bị xử lý trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự là đúng quy định.

[3] Các tài liệu, chứng cứ Cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra gồm: Biên bản tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, biên bản trích xuất camera an ninh, hồ sơ bệnh án, giấy chứng nhận thương tích, các biên bản ghi lời khai của những người chứng kiến sự việc, các lời khai của bị cáo, các lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được phù hợp với bản kết luận giám định pháp y về thương tích, biên bản kiểm tra đoạn camera, biên bản hỏi cung bị can, kết luận điều tra. Chỉ vì sự mâu thuẫn nhỏ, tranh chấp trong mua bán mà bị cáo dùng hai tay có móng tay cào, cấu chị Đ nhiều nhát vào mặt gây thương tích, ảnh hưởng thẩm mỹ, được cơ quan chuyên môn kết luận với tỷ lệ 13%. Điều này được thể hiện trong biên bản ghi lời khai bị cáo ngày 12/7/2018 (BL 86-87), biên bản hỏi cung bị can ngày 02/8/2018 (BL 88-91), biên bản hỏi cung ngày 28/8/2018 (BL 92-95), biên bản hỏi cung ngày 21/9/2018 (BL 96-97), biên bản ghi lời khai bị cáo ngày 30/4/2018 (BL 99-100). Do vậy, hành vi đó của bị cáo đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự, đúng với đề nghị của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa và đúng với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, sự thẩm mỹ của chị Đ một cách trái pháp luật, với lỗi cố ý trực tiếp. Bản thân bị cáo biết rõ việc dùng hai tay có móng tay cào, cấu nhiều cái vào mặt chị Đ sẽ gây thương tích cho chị Đ, sẽ làm xấu đến diện mạo của chị Đ, là vi phạm pháp luật nhưng vì mâu thuẫn nhỏ, sự tức giận không đáng có mà bị cáo gây thương tích cho chị Đ bằng tay, theo giấy chứng nhận thương tích và kết luận giám định thể hiện thương tích chị Đ bị ảnh hưởng thẩm mỹ, với tỷ lệ thương tích là 13%. Đ đó chứng tỏ bị cáo bất chấp luật pháp, xem thường sức khỏe của người khác. Do đó, bị cáo phải gánh chịu hậu quả do chính hành vi mình đã gây ra.

[5] Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến sức khỏe của chị Đ được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân.

[6] Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi của bị cáo, nhằm giáo dục, cải sửa lỗi lầm của bị cáo đồng thời cũng nhằm bảo đảm tính răn đe của pháp luật và phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Xét quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn, hối cải; bị cáo là dân tộc thiểu số, nhận thức và hiểu biết pháp luật hạn chế; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi gây thương tích cho chị Đ, bị cáo nộp tiền để bồi thường một phần thiệt hại do hậu quả của bị cáo gây ra cho chị Đ với số tiền 1.000.000đ. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Nhân thân bị cáo chưa tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng; có nơi cư trú rõ ràng; xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, vì bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách là đủ.

[8] Ý kiến người bào chữa cho bị cáo cho rằng: Cán bộ điều tra không lập biên bản riêng để giải thích quyền và nghĩa vụ của bị cáo nên bị cáo bị mất quyền được bào chữa, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bị cáo. Thấy rằng, trong các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can đều có câu “Bị can đã được giải thích quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 60 Bộ luật Tố tụng hình sự và ký tên xác nhận dưới đây” nên không cần thiết phải lập biên bản riêng. Mặt khác, tuy bị cáo là đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí nhưng bị cáo phải tự nhờ người bào chữa chứ không phải trường hợp được chỉ định người bào chữa, nhưng quá trình điều tra, bị cáo xác định không yêu cầu người bào chữa thể hiện ở biên bản ghi lời khai ngày 12/7/2018 (BL 86-87), biên bản hỏi cung bị can ngày 02/8/2018 (BL 88-91), đến ngày 31/8/2018, bị cáo có đơn yêu cầu Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau cử người bào chữa cho bị cáo và Trung tâm đã cử Luật sư Huỳnh Công Dung là công tác viên của Trung tâm để bào chữa cho bị cáo nên quyền được bào chữa của bị cáo vẫn đảm bảo đúng quy định. Người bào chữa cho rằng bị cáo có bị thương tích, có đơn yêu cầu xử lý, đơn tố giác nhưng không được xem xét, giải quyết, làm ảnh hưởng nghiêm trọng quyền lợi của bị cáo tại giai đoạn điều tra. Thấy rằng, quá trình điều tra, Điều tra viên có đề cập đến vấn đề này thể hiện trong nhiều bản khai, bản cung (BL 88-89, 92-94, 96-97, 99-100) bị cáo không yêu cầu xử lý hình sự, không yêu cầu giám định, không yêu cầu bồi thường, không yêu cầu khiếu nại bất cứ gì về sau; việc không yêu cầu là do bị cáo tự nguyện, không ai đánh đập, ép buộc, khống chế. Bên cạnh đó, lời khai ban đầu sau khi xảy ra sự việc, bị cáo khai không biết ai gây thương tích cho bị cáo; các lời khai sau, bị cáo xác định thương tích của bị cáo là do lúc bị cáo vật chị Đ té xuống, bị cáo té theo, đầu bị cáo trúng vào tay cầm xe máy (BL 86-87, 92-94, 99-100), do đó không có căn cứ để xem xét, xử lý đối với yêu cầu của bị cáo. Người bào chữa cho rằng biên bản sự việc được lập tại Công an phường không có mặt bị cáo,

không có chữ ký bị cáo. Thấy rằng, sau khi sự việc xảy ra, bị cáo được người dân đưa đến bệnh viện điều trị vết thương nên bị cáo không có mặt, không ký tên vào biên bản sự việc là lẽ đương nhiên, điều này không làm ảnh hưởng đến tính chất vụ việc của vụ án. Người bào chữa cho rằng tại cơ quan điều tra, Điều tra viên không lập biên bản giải thích quyền được yêu cầu trợ giúp pháp lý của bị cáo làm ảnh hưởng quyền lợi của bị cáo từ lúc đó. Ý kiến này đã được nhận định ở phần trên nên không đề cập lại. Người bào chữa cho rằng đoạn camera ghi hình chỉ mấy phút lướt qua, chưa được xem nên chưa thể khẳng định tính chất vụ việc và ai là người gây thương tích như thế nào. Thấy rằng, camera được lắp đặt để theo dõi an ninh, trật tự của từng địa bàn, ghi lại diễn biến sự việc xảy ra thường ngày trong xã hội, trong đó có việc xô xát nhau giữa bị cáo và chị Đ và được trích xuất theo đúng quy định; khi kiểm tra đoạn camera có mặt tất cả những người liên quan đến vụ việc chứng kiến xác nhận, có cả người bào chữa cho bị cáo là Luật sư Huỳnh Công Dung xem xét, xác nhận, thể hiện đúng diễn biến khách quan của vụ việc, không ai có thể xoá, sửa, thêm, bớt nội dung ghi hình diễn biến vụ việc này, nên người bào chữa nại ra chưa được xem nên không khẳng định được diễn biến, tính chất vụ việc là không có cơ sở. Người bào chữa cho rằng việc xử lý vi phạm hành chính đối với Th về hành vi đánh nhau với X nhưng chưa xử lý hành vi Th đánh S như thế nào. Thấy rằng, việc xô xát, đánh nhau giữa Sơn X và Cổ Vân Th là gây rối, mất an ninh, trật tự công cộng nên cơ quan chức năng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này của anh Th và anh X là phù hợp. Đối với việc Th có gây thương tích cho bị cáo hay không thì không có căn cứ xác định cụ thể đồng thời do bị cáo không yêu cầu xử lý, không yêu cầu giám định và sau khi nhận được quyết định giải quyết khiếu nại của bị cáo về bản kết luận điều tra thì bị cáo cũng không khiếu nại tiếp theo nên không có cơ sở xem xét, xử lý là phù hợp. Người bào chữa cho rằng có yêu cầu triệu tập người làm chứng là Lê Thị Bé Sáu và Sơn Thị Bé Hiếu để làm rõ vụ án nhưng chưa được xem xét. Thấy rằng, quá trình điều tra, bà Sáu đã có tờ trình bày và biên bản ghi lời khai nhưng giữa các lời khai có sự mâu thuẫn, đồng thời mâu thuẫn với lời khai của bị cáo, vì có lúc bà Sáu khai thấy chị Đ và Bé Hiếu xông vào đánh bị cáo, Th dùng hai tay nắm đầu bị cáo đập mạnh vào tay lái xe; có lúc khai Th nắm đầu bị cáo đập vào gác chân xe, nhưng chính bị cáo lại khai khi chị Đ chọi trái su vào bị cáo không trúng thì bị cáo nhào ra nắm đánh, cào, cào vào mặt Đ, lúc vật Đ té xuống, đầu bị cáo trúng vào tay cầm xe bị ra máu. Mặt khác, lời khai ông Đức xác định mục đích đến cơ quan điều tra làm việc là do bị cáo kêu lên làm chứng nói dùm cho bị cáo là thấy Th nắm đầu bị cáo đập vào xe bị bể đầu. Đối với Bé Hiếu là người làm công cho chị Đ và anh Th, do đó không thể sử dụng lời khai của bà Sáu và Bé Hiếu để làm chứng cứ nên không cần thiết phải triệu tập họ đến phiên toà. Người bào chữa cho rằng quá trình ghi lời khai của Hiếu do Đ, Th giám hộ là không đúng. Thấy rằng, khi lấy lời khai ban đầu, do chưa xác định được người thân của Hiếu nên đưa Th và Đ làm giám hộ nhưng sau đó có bà Huỳnh Thị Sơn giám hộ cho Hiếu là phù hợp. Người bào chữa cho rằng người phiên dịch chỉ dịch những câu hỏi mà bị cáo không hiểu chứ không giải thích ý nghĩa của vấn đề đó như thế nào cho bị cáo biết. Thấy rằng, người phiên dịch có nghĩa vụ dịch trung thực, đúng nội dung, câu hỏi của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đặt ra, không có quyền giải thích ý nghĩa của từ ngữ hay

câu hỏi đó như thế nào, việc giải thích là do cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tổ tụng giải thích.

Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung với các lý do nêu trên của người bào chữa đặt ra.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, chị Cù Thị Đ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 10.055.000đ. Ngoài ra, chị Đ không còn yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền nào khác. Bị cáo và chồng bị cáo là anh Sơn X tự nguyện đồng ý bồi thường khoản tiền trên cho chị Đ nên được chấp nhận. Quá trình chuẩn bị xét xử, bị cáo có nộp 1.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị cáo và anh Sơn X được miễn nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Lâm Thị S phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Xử phạt bị cáo Lâm Thị S 01 (một) năm tù cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

- Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo và anh Sơn X bồi thường cho chị Cù Thị Đ số tiền 10.055.000đ, bị cáo đã nộp 1.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ, bị cáo và anh Sơn X tiếp tục bồi thường cho chị Đ số tiền 9.055.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo và anh Sơn X không thi hành xong khoản tiền bồi thường nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Đ 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo được miễn theo quy định; án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị cáo và anh Sơn X được miễn theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Đ 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Đ 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Đ 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Tp.Cà Mau;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp.Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp.Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Minh Hải